

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Woj lap - Tl udo - Hanh phuc

* * *

Bản án số: 68/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14.8.2018

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - TP CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Hiếu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông **Nguyễn Văn Đông**

2/. Bà **Phạm Kim Tuyền**

- *Thị ký phiên tòa:* Ông **Đinh Tuấn Anh** – là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt¹ thành phố Cần Thơ.

☞ *Đại diện Viên kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ:* Ông **Võ Long Hải** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2018/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị A** – sinh năm: 1987 (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã A, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông **Hồ Thanh N** - sinh năm: 1985 (vắng mặt lần thứ 02)

Địa chỉ: khu vực C, phường D, quận E, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Nguyễn Thị A trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A và ông Hồ Thanh N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A – huyện B – tỉnh Thanh Hóa vào ngày 19.8.2008. Sau khi về chung sống, ông N không biết chăm lo cho cuộc sống vợ chồng, thường hay bất đồng quan điểm dẫn tới mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không cho nên vợ chồng đã ly thân từ ngày 20.10.2014 cho đến nay. Bà A nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên nộp đơn xin được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà A xác định quá trình chung sống với ông N vợ chồng có 01 con chung là Hồ Thị Cát T – sinh ngày: 10.11.2009, do bà A đang trực tiếp nuôi dưỡng và đang đi học tại trường tiểu học A, huyện B, Thanh Hóa. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Hồ Thanh N, Tòa án đã tổng đạt, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông N không đến Tòa để giải quyết vụ án. Qua xác minh thực tế, chính quyền địa phương cho biết: ông N vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng đã bỏ địa phương đi từ khoảng năm 2016 cho đến nay, khi đi không có trình báo là đi đâu, làm gì.

Vào ngày 11.7.2018, Tòa án có ghi được lời khai của bà Nguyễn Thị Thu N1 (là mẹ ruột ông N), bà N1 cho biết như sau:

Ông N đang đi làm công ty ở Đồng Nai, một năm có về nhà tại D một lần. Ông N cũng có biết về việc bà A xin ly hôn nhưng do bận làm việc ở công ty nên không về giải quyết được. Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bà A đi làm công ty, ông N có ghen tuông nên vợ chồng cự cãi và bà A bỏ về nhà cha mẹ ruột ở Thanh Hóa sinh sống. Quá trình chung sống, bà A và ông N có 01 con chung tên Hồ Thị Cát T – sinh năm: 2009 do bà A đang nuôi dưỡng. Giữa vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Do nguyên đơn ở tỉnh Thanh Hóa, việc đi lại không thuận tiện nên xin được vắng mặt trong các lần hòa giải, xét xử. Đối với bị đơn thì nhiều lần vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được, do đó vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn xin được xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Hồ Thanh N.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Cát T cho bà A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về mối quan hệ pháp luật, đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về việc ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét việc nguyên đơn bà A vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đối với bị đơn ông N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị A và ông Hồ Thanh N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A – huyện B – tỉnh Thanh Hóa theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau, bà A cho rằng ông N không biết chăm lo cho vợ con và tương lai của gia đình, còn theo bà N1 (mẹ ông N) cho biết do ông N ghen tuông việc bà A đi làm công ty nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ năm 2014 cho đến nay, ông N cũng biết việc bà A xin ly hôn nhưng không về để hòa giải. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà A và ông N sống ly thân đã lâu và hai bên không tìm được biện pháp hàn gắn tình cảm để tiếp tục chung sống. Qua đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà A được ly hôn với ông N là phù hợp.

- Về con chung: Theo bà A xác định và các tài liệu, chứng cứ thu thập được cho thấy giữa bà A và ông N chung sống có 01 con chung là Hồ Thị Cát T – sinh ngày: 10.11.2009, do bà A đang trực tiếp nuôi dưỡng và đang đi học tại trường tiểu học A, huyện B, Thanh Hóa. Xét thấy cháu Cát T do bà A đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và đang đi học ổn định tại trường tiểu học A (có giấy xác nhận của Hiệu trưởng tại trường tiểu học A), do đó nghĩ nên tiếp tục giao cháu Cát T cho bà A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con, do bà A không yêu cầu nên Hội đồng không xét đến.

- Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà A và mẹ ông N xác định là không có nhưng do Tòa án không trực tiếp ghi nhận được ý kiến của ông N về vấn đề tài sản chung và nợ chung cho nên nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

- Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà A phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Hồ Thanh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Thị Cát T – sinh ngày: 10.11.2009, do bà A đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, tiếp tục giao cháu Cát T cho bà A được quyền nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông N, không ai được quyền ngăn cản. Ông N và bà A được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A xác định không có. Nếu ông N có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/003973 ngày 23.4.2018 (công nhận đã nộp xong).

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- Chi cục THA Q. Thốt Nốt;
- UBND xã A, H. B;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN TRUNG HIẾU